

BỘ THƯƠNG MẠI
Số: 88/2000/QĐ-BTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 18 tháng 1 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Ban hành Danh mục chi tiết hàng hoá cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện

BỘ TRƯỞNG BỘ THƯƠNG MẠI

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 95/CP ngày 04/12/1993 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Thương mại;

Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 11/1999/NĐ-CP ngày 3/3/1999 về hàng hoá cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện.

Căn cứ Công văn của Văn phòng Chính phủ số 5126/VPCP-KTTH ngày 08/11/1999 thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ uỷ quyền cho Bộ trưởng Bộ Thương mại ban hành Danh mục chi tiết hàng hoá cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành kèm theo Quyết định này bản "Danh mục chi tiết hàng hoá cấm lưu thông, dịch vụ thương mại cấm thực hiện; hàng hoá, dịch vụ hạn chế kinh doanh, kinh doanh có điều kiện" theo quy định của Nghị định số 11/ 1999/ NĐ-CP ngày 3 /3/ 1999 của Chính phủ.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký./.

DANH MỤC CHI TIẾT HÀNG HOÁ CẤM LƯU THÔNG, DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CẤM THỰC HIỆN; HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ CẤM KINH DOANH, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thương mại số /TM-QĐ ngày / 01/2000)

PHẦN THỨ NHẤT

DANH MỤC HÀNG HOÁ CẤM LƯU THÔNG, DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CẤM THỰC HIỆN

I - VŨ KHÍ, ĐẠN DƯỠC, QUÂN TRANG, QUÂN DỤNG, PHƯƠNG TIỆN KỸ THUẬT CHUYÊN DÙNG CỦA CÁC LỰC LƯỢNG VŨ TRANG

(Công văn số 1243/ BQP ngày 11/5/1999 của Bộ Quốc phòng)

1. Vũ khí đạn dược:

Súng, pháo các loại.

Vũ khí đặc chủng của các lực lượng Đặc công, Đặc nhiệm, Trinh sát, Tình báo, Hoá học, Công binh, Tác chiến điện tử, Tuyền truyền đặc biệt.

Máy bay và thiết bị hàng không quân sự các loại.

Tên lửa quân sự và các loại nhiên liệu phóng.

Xe tăng, xe bọc thép, xe bộ binh cơ giới, xe lội nước, pháo tự hành, xe, máy công trình của Công binh.

Tàu chiến, tàu nghiệp vụ các loại.

Đạn, bom, mìn, lựu đạn, thủ pháo, thủy lôi, ngư lôi các loại và bộ phận thay thế.

2. Trang bị kỹ thuật quân sự chuyên dùng:

Ra-đa các loại (ra-đa quan sát, cảnh giới, dẫn đường, cắt cánh, hạ cánh, khí tượng...), máy chỉ huy các loại dùng trong quân sự.

Xe, máy đặc chủng các loại, xe chỉ huy chuyên dùng quân sự.

Xe, máy điện khí, công trình xa các loại chuyên dùng quân sự.

Xe kéo, chở pháo, tăng, tên lửa (bánh xích, bánh lốp).

Khí tài trình sát định vị, gây nhiễu, nguy trang, phòng hoá.

Khí tài vượt sông, dò mìn, đo phóng xạ.

Máy thông tin quân sự các loại.

Các phụ tùng thay thế cho phương tiện kỹ thuật chuyên dùng.

Các tài liệu kỹ thuật cho sản xuất, sửa chữa, cải tiến vũ khí trang bị kỹ thuật quân sự.

Tài liệu liên quan đến bí mật quân sự.

Máy móc, thiết bị đồng bộ, chuyên dùng sản xuất, sửa chữa vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự.

Các Labor, Pilotte nghiên cứu, thí nghiệm vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự.

3. Quân trang, quân dụng và trang bị quân sự khác:

Quân phục các loại, phù hiệu, tiết hiệu, cấp hiệu cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ.

Các loại quân dụng và trang bị được sản xuất theo mẫu thiết kế thống nhất của quân đội.

II - CÁC CHẤT MA TUÝ

Danh mục các chất ma túy, tiền chất và các chất hoá học tham gia vào quá trình chế tạo các chất ma túy

(Bao gồm danh mục quy định của Công ước quốc tế 1961, 1971, 1988)

Bảng 1 - gồm các chất ma túy rất độc, tuyệt đối cấm sử dụng

(Có trong bảng IV-Công ước quốc tế 1961 và bảng I-Công ước 1977)

STT	Tên chất	Tên khoa học
1	Acetorphin	3-0-acetyl tetrahydro-7-a -(1- hydroxyl-1-
2	Acetylalphamethylfentanyl	methylbuty)-
3	Alphacetylmethadol	6, 14 - endoetheno-oripavine
4	Aphamethylfentanyl	N - ơ I-(a - ethylphenethyl)-4-piperidyl y
5	Beta - hydroxyfentanyl	acetanilide
6	Beta-hydroxymethyl-3-	a -3- acetoxyl-6-dimethylamino - 4,4 -
7	fentanyl	diphenylheptane
8	Cần sa và nhựa cần sa	N-ơ I -(à -methylphenethyl)-4-peperidyl y
9	Desomorphine	propionanilide
10	Etorphine	N -[I -(b -hydroxyphenethyl)-4-peperidyl]
11	Heroine	propionanilide
12	Ketobemidone	N -ơ I-(b -hydroxyphenethyl)-3-methyl-4-piperidyl]
13	Methyl-3-fentanyl	propionanilide
14	Methyl -3- thiofentanyl	Cananabis and canabis resin
15	MPPP	Dyhydrodeoxymorphin
16	Para- fluorofentanyl	Tetrahydro -7a -(1-hydroxyl-1-methylbuty)-6,14-
17	PEPAP	endoetheno-
18	Thiofentanyl	oripavine
19	Brolampheta mine (DOB)	Diacetylmorphine

20	Cathinone	4-meta-hydroxyphenyl-l-methyl-4-
21	DET	propionylpiperidine
22	DMA	N-(3-methyl-l-phenethyl-4-
23	DMHP	piperidyl)propionanilide
24	DMT	N-[3-methyl-l- α 2-(2-thienyl)ethyl -4-piperidyl]
25	DOET	propionanilide
26	Eticyclidine	l-methyl-4-phenyl-4-piperidinol propionate (ester)
27	Etrytamine*	4- α -fluoro - N- (l-phenethyl-4-
28	(+)- Lysergide (LSD)	piperidyl)propionanilide
29	MDMA	l-phenethyl-4- α -phenyl-4-piperidinol acetate
30	Mescaline	(ester)
31	Methcathinone*	N-[1- α 2-(2-thienyl)ethyl -4-piperidyl] -4-
32	4- Methylaminorex	propionanilide
33	MMDA	2,5dimethoxy-4-bromoamphetamine
34	N-ethylMDA	(-)- α -aminopropiophenone
35	N-hydroxy MDA	N,N-diethyltryptamine
36	Parahexyl	($\pm$)-2,5-dimethoxy - α -methylphenylethylamine
37	PMA	3-(1,2-dimethylethyl)-l-hydroxy-7,8,9,10-
38	Psilocine, Psilocin	tetrahydro-6,6,9-
39	Psilocybine	trimethyl-6 l l-dibenz[<i>b,d</i>]
40	Rolicyclidine	N,N-dimethyltryptamine
41	STP,DOM	($\pm$)-4-ethyl-2,5-dimethoxy- α -phenethylamine
42	Tenamfetamine (MDA)	N-ethyl-l-phenylcyclohexylamine
43	Tenocyclidine (TCP)	3-(2-aminobutyl)indole
44	Tetrahydrocannabinol	9,10-didehydro-N,N-diethyl-6-methylergoline-
	TMA	8bectacar
		boxamide
		($\pm$)-N- α -dimethyl-3,4-(methylene -
		dioxy)phenethylamine
		3,4,5- trimethoxyphenethylamine
		2(methylamino)-l-phenylpropan-l-one
		($\pm$)-cis-2-amino-4-methyl-5-phenyl-2-oxazoline
		($\pm$)-5-methoxy-3,4-methylenedioxy- α -
		methylphenylethylamine
		($\pm$)-N-ethyl- α -methyl-3,4 -(methylenedioxy)
		phenethylamine
		($\pm$)- N- α -methyl -3,4 -
		(methylenedioxy)phenethyl.

		hydroxylamine
		3-hexyl-7,8,9,10-tetrahydro-6,6,9-trimethyl-6H-dibenzo[b,d] pyran-l-ol
		P-methoxy- α -methylphenylethylamine
		3-[2-(dimethylamino)ethyl] indol-4-ol
		3-[2-(dimethylamino)ethyl]indol-4-yl dihydrogenphosphat
		l - (l-phenylcyclohexyl)pyrrolidine
		2,5-dimethoxy - α - 4 - dimethylphenethylamine
		α -methyl -3,4- (methylenedioxy)phenethylamine
		l - [l - (2-thienyl)cyclohexyl] piperidine
		l- hydro-3-pentyl-6a,7,10,10,- tetrahydro -6,6,9-trimethyl-6H-dibenzo(b,d)pyran -l - ol
		($\pm$)-3,4,5- trimethoxy - α - methylphenylethylamine

Bảng II - Gồm các chất ma túy độc hại được dùng hạn chế trong y học và nghiên cứu khoa học

(Có trong bảng I, bảng II-Công ước quốc tế 1961 và bảng II của Công ước quốc tế 1971

Bảng III - Gồm các chất ma túy được dùng trong y tế

(Các chất trong bảng III và bảng IV- Công ước quốc tế 1971)

Bảng IV - Bao gồm các tiền chất và các chất hoá học tham gia vào quá trình chế tạo các chất ma túy

(Các chất có trong bảng I, bảng II- Công ước quốc tế năm 1988)

226	Ephedrine	1-phenyl-2-methylamino-1-propanol
227	Ergometrine	N-(2-hydroxy-1-methylethyl)-D(+)-
228	Ergotamine	lysergamide
229	Lysergic acid	12 β -hydroxy-2 β -methyl-5 β -
230	1-phenyl-2-propanone	(phenylmethyl)-ergotaman
231	Pseudoephedrine	-3 β ,6 β ,18-ione
232	N-Acetyl-Anthranilic	(8b)-9,10-Didehydro-6-methylergolin-8-
233	acid	carboxylic acid
234	Isosafrole	1-phenyl-2-propanone
235	3,4-	[S-(R*,R*)] - α -[1(methylamino)ethyl]
236	methylenedioxyphenyl-	benzenemethanol
237	2- propanone	1-Acetylamino-2-carboxybenzene
238	Piperonal	1,3-benzodioxole,5-(1-propenyl)
239	Safrole	3,4-methylenedioxyphenyl-2-propanone
240	Anthranilicacid	1,3-benzodioxole,5-(carboxaldehyde)
	Phenylacetic acid	1,3-Benzodioxole,5-(2-propenyl)
	Piperidine	2-Aminobenzoic acid

Potassium permanganate	Benzeneacetic acid
	Cyclopentimine

III - MỘT SỐ HOÁ CHẤT CÓ TÍNH ĐỘC HẠI MẠNH

(Công văn số 1054 / BKHCNMT-TĐC ngày 27- 4- 1999 của Bộ Khoa học-CNMT)

Số TT	Tên hoá chất	Công thức	Nồng độ	Ghi chú
1	Aldrin	$C_{12}H_8Cl_6$	0,0003	
2	BHC (lindane)	$C_6H_6O_6$	0,0001	
3	Chordane	$C_{10}H_5Cl_5$	0,0001	
4	DDT	$C_2H_8NO_2PS$		
5	Dieldrin	$C_7H_{14}NO_5P$		
6	Eldrin	$C_8H_{10}NO_5PS$		
7	Heptachlor	C_6Cl_6		
8	Isobenzen	HCN		
9	Isodrin	$C_6H_6Cl_6$		
10	Methamidophos			
11	Monocrotophos			
12	Methyl Parathion			
13	Ethyl Parathion			
14	Phosphamidon			
15	Polychlorocamphere			
16	Strobane			
17	Captan			
18	Captofol			
19	Hexachlorobenzen			
20	24,5 T (Brochtoc,			
21	Decamine)			
22	Axit cyanhydric và muối			
23	của nó			
	Hexacloro cyclohexan			
	Methyl paration (demetil			
	paranitro			
	photpho,volfatoc...)			

(Công văn số 4817/CV-KHĐT ngày 19/11/1999 của Bộ Công nghiệp)

Số TT	Tên hoá chất
1	